

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8 –CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024



Hà Nội, Tháng 02 năm 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng công trình Giao thông 8 - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lương Minh Tường	Chủ tịch HĐQT
Bà Đinh Thị Hương Giang	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Phú	Ủy viên
Ông Phạm Văn Quyên	Ủy viên
Bà Lê Thị An Hải	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Phú	Tổng Giám đốc
Ông Trần Huy Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Quyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Đình Đầu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Hậu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị An Hải	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Định giá ACC Việt Nam – Chi nhánh Miền Bắc.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8 – CTCP
Địa chỉ: Số 18 Hồ Đắc Di, phường Quang trung, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Văn Phú
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực...1927...Quyển số: 01-SCT/BS

Ngày: 03-09-2025

NGƯỜI THỰC HIỆN CHỨNG THỰC



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trọng Hải

Số: 205-25/BC-TC/TCT8

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 -CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 -CTCP (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 02 năm 2025, từ trang 7 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 -CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN ĐỊNH GIÁ ACC VIỆT NAM - CHI NHÁNH MIỀN BẮC

GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN


Ngô Văn Khánh
Số Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
2998-2025-084-1


Vũ Mạnh Toàn
Số Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
4045-2024-084-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 01 - DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		956.224.976.033	1.158.292.749.051
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	66.428.924.150	157.692.087.131
1. Tiền	111		66.428.924.150	157.692.087.131
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.900.000.000	1.900.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.900.000.000	1.900.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		790.434.259.719	905.248.707.753
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	2	152.946.765.002	175.702.220.476
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	3	636.586.431.869	683.429.113.936
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		3.130.893.689	4.176.035.318
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4	150.111.571.284	163.240.282.077
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5	103.254.861.838	118.611.853.586
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	6	(255.596.263.963)	(239.910.797.640)
IV. Hàng tồn kho	140		14.620.113.452	14.898.143.296
1. Hàng tồn kho	141	7	14.620.113.452	14.898.143.296
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		82.841.678.712	78.553.810.871
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	71.110.935.334	64.874.145.085
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.503.967.466	13.507.245.176
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		226.775.912	172.420.610
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		471.698.124.017	519.590.828.195
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		126.069.918.296	140.938.794.340
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	126.069.918.296	140.938.794.340
- Nguyên giá	222		328.164.751.966	345.218.023.094
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(202.094.833.670)	(204.279.228.754)
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	0	0
- Nguyên giá	228		795.000.000	795.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(795.000.000)	(795.000.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		0	15.623.812.651
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10		15.623.812.651
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	345.628.205.721	362.722.080.721
1. Đầu tư vào công ty con	251		162.636.653.300	162.636.653.300
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		177.586.131.600	194.680.006.600
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.405.420.821	5.405.420.821
VI. Tài sản dài hạn khác	260		0	306.140.483
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12		306.140.483
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.427.923.100.050	1.677.883.577.246
(270 = 100+200)				



MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

Kế toán trưởng

Rulmon

Lưu Việt Hà



Nguyễn Văn Phú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MẪU SỐ B 02 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		741.277.475.003	1.069.170.190.876
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	21	741.277.475.003	1.069.170.190.876
4. Giá vốn hàng bán	11	22	692.648.067.543	1.009.229.296.617
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		48.629.407.460	59.940.894.259
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	5.833.624.410	5.745.635.531
7. Chi phí tài chính	22	24	3.175.400.869	2.941.738.578
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.172.291.103	2.938.750.893
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	46.751.454.562	58.886.487.818
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		4.536.176.439	3.858.303.394
11. Thu nhập khác	31		8.022.211.204	4.717.025.833
12. Chi phí khác	32		7.084.277.001	3.686.975.947
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	26	937.934.203	1.030.049.886
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.474.110.642	4.888.353.280
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	11.360.869	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 -51 - 52)	60		5.462.749.773	4.888.353.280

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Đình Dương

Lưu Việt Hà



Nguyễn Văn Phú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND
MẪU SỐ B 03 – DN

CHỈ TIÊU	MS	Năm nay	Năm trước
I. I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. 1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.474.110.642	4.888.353.280
2. 2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	10.174.896.093	12.217.716.156
- Các khoản dự phòng	03	15.685.466.323	28.277.961.091
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.185.980.891)	(5.745.635.531)
- Chi phí lãi vay	06	3.172.291.103	2.938.750.893
3. 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	28.320.783.270	42.577.145.889
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	101.077.904.119	(72.196.308.754)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	278.029.844	(94.527.845.175)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(243.069.518.877)	181.649.876.265
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	9.693.162.885	(1.789.458.569)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.172.291.103)	(2.938.750.893)
- Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.103.060.568)	(5.282.951.463)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20	(107.974.990.430)	47.491.707.300
II. II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.975.603.000)	(1.183.483.635)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	8.125.000.000	2.488.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.310.623.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	17.093.875.000	18.375.923.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27	5.833.624.410	5.745.635.531
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	29.076.896.410	23.115.451.896
III. III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH CP, nhận vốn góp của CSH	31	101.966.930.000	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	68.000.927.703	315.583.190.248
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(182.332.926.664)	(252.651.983.450)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12.365.068.961)	62.931.206.798
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(91.263.162.981)	133.538.365.994
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	157.692.087.131	24.153.721.137
Ảnh hưởng của TB TGHD quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	66.428.924.150	157.692.087.131

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Đỗ Đình Dương



Lưu Việt Hà



Nguyễn Văn Phú

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao Thông 8 - CTCP (sau đây được viết tắt là "Tổng Công ty"), được thành lập theo Quyết định số 4897/QĐ/TCCB-LĐ ngày 27/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108247 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 29/10/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 02/4/2013. Tổng Công ty đổi tên thành Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 - CTCP và chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108247 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 30/06/2014.

Tên Công ty: **Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao Thông 8 - CTCP**

Trụ sở: Số 18 Hồ Đắc Di, phường Quang trung, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là: **735.000.000.000 đồng**. (Bằng chữ: Bảy trăm ba mươi lăm tỷ đồng chẵn./.).

Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại, xây dựng, dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh

- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- Sửa chữa thiết bị điện
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Phá dỡ
- Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);
- Lắp đặt hệ thống điện
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy móc khác
Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp;
- Bán buôn dây điện, công tắc điện và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp;
- Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế;
- Bán buôn vật tư máy móc, công cụ, dụng cụ cho mọi loại vật liệu;
- Bán buôn vật tư máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu như vật tư, thiết bị giao thông vận tải;
- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
Chi tiết: - Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Bán buôn thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: - Buôn bán hóa chất công nghiệp;
- Buôn bán chất dẻo dạng nguyên sinh;
- Buôn bán phụ liệu may mặc và giày dép;
- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại và phi kim loại;
- Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
- Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)
- Cho thuê xe có động cơ
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu:
Chi tiết: Khai thác mỏ;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
Chi tiết: Sửa chữa phương tiện, thiết bị thi công;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan:
Chi tiết: - Thiết kế công trình cầu;
- Thiết kế kết cấu công trình đường bộ;
- Thiết kế công trình giao thông cầu đường;
- Thiết kế công trình đường bộ;
- Giám sát thi công xây dựng công trình: Dân dụng, công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật; Giao thông vận tải; Thủy lợi, thủy điện;
- Giám sát công tác XD&HT công trình giao thông;
- Giám sát công tác Xây dựng và hoàn thiện: Công trình Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Công trình giao thông (Cầu - đường bộ);
- Khảo sát địa chất công trình;
- Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi;
- Tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông;
- Thẩm tra dự án đầu tư các công trình xây dựng giao thông, công nghiệp dân dụng;
- Thiết kế xây dựng công trình cầu đường;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật:
Chi tiết: Thí nghiệm vật liệu xây dựng; kiểm định chất lượng công trình;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng;
- Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng;
- Lắp ráp, bảo trì thang máy;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.
Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, văn phòng làm việc (không gồm kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh
Chi tiết: Bán lẻ vật tư, thiết bị y tế;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng, dầu mỡ nhờn;
- Buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
Chi tiết: Mua, bán thiết bị truyền thông, truyền hình;
- Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)
Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp động cơ diesel;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí
- Giáo dục khác chưa được phân vào đầu
Chi tiết: - Đào tạo kỹ thuật nghiệp vụ;
- Đào tạo lái xe ô tô (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
Chi tiết: Vận tải khách bằng xe du lịch và taxi;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao
- Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác
- Sản xuất pin và ắc quy:
Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp ắc quy các loại;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động:
Chi tiết: Xuất khẩu lao động (Hoạt động theo giấy phép do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp);
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu:
Chi tiết: - Ủy thác mua bán hàng hóa - Xuất nhập khẩu hàng hoá Công ty kinh doanh;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Xây dựng nhà để ở
- Xây dựng nhà để ở
- Các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định Pháp luật

Cấu trúc doanh nghiệp:

Tổng Công ty bao gồm các đơn vị trực thuộc:

Stt	Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
01.	Văn phòng Tổng Công ty	Số 18 Hồ Đắc Di, phường Quang Trung, quận Đống Đa, TP Hà Nội
02.	Xí nghiệp Cơ điện Cienco8	Lô C2, KCN Khánh Phú, xã Ninh Phúc, TP Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình
03.	Xí nghiệp Hưng Long	Thôn Hòa Vân, xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam
04.	Chi nhánh phía Nam-Cienco8	Khu phố 2 phường Bình Đa, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
05.	Ban điều hành dự án đường Hồ Chí Minh	Số 61 đường Hạ Đình, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội
06.	Chi nhánh Đào tạo nguồn nhân lực và Xuất khẩu lao động	Số 181 phố An Sơn, phường Đồng Đa, Tp. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
07.	Chi nhánh Xuất khẩu Lao động và Hợp tác Quốc tế	Km 233 QL1A, Thanh Châu, Phú Lý, Hà Nam
08.	Chi nhánh Đào tạo và Cung ứng lao động quốc tế	Thôn Phương Trạch, xã Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh, Hà Nội
09.	Công ty Vật tư và Xây dựng công trình	8-Hồ Tùng Mậu, Mai dịch, Cầu giấy, Hà Nội
10.	Xí nghiệp Xây dựng Cầu đường 1 – Cienco8	Số 61 Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
11.	Xí nghiệp Xây dựng Cầu đường 2 – Cienco8	Số 61 Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội

II. Cơ sở lập báo cáo tài chính và kỳ kế toán

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Tổng Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con, Công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được Tổng Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường. Trong đó: Tổng Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.

Tổng Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “trương đương tiền”;

Có thời hạn thu hồi dưới 01 năm hoặc 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là “tài sản ngắn hạn”;

Có thời hạn thu hồi trên 01 năm hoặc 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là “tài sản dài hạn”.

Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính được xác định như sau:

$$\begin{array}{c} \text{Mức trích dự} \\ \text{phòng cho mỗi} \\ \text{khoản đầu tư} \end{array} = \begin{array}{c} \text{Tổng vốn đầu tư} \\ \text{thực tế của các} \\ \text{bên tại tổ chức} \\ \text{kinh tế} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Vốn chủ sở} \\ \text{hữu thực} \\ \text{có của tổ} \\ \text{chức kinh} \\ \text{tế} \end{array} \times \frac{\begin{array}{c} \text{Số vốn đầu tư của mỗi bên} \\ \text{Tổng vốn đầu tư thực tế của các} \\ \text{bên tại tổ chức kinh tế} \end{array}}{\begin{array}{c} \text{Tổng vốn đầu tư thực tế của các} \\ \text{bên tại tổ chức kinh tế} \end{array}}$$

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán được xác định như sau:

$$\begin{array}{c} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá đầu tư} \\ \text{chứng khoán} \end{array} = \begin{array}{c} \text{Số lượng chứng khoán bị} \\ \text{giảm giá tại thời điểm lập} \\ \text{báo cáo tài chính} \end{array} \times \begin{array}{c} \text{Giá chứng khoán} \\ \text{hạch toán trên sổ} \\ \text{kế toán} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Giá chứng} \\ \text{khoản thực tế} \\ \text{trên thị trường} \end{array}$$

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản khác	2 - 20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính, được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

Các khoản chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi và phân loại theo kỳ hạn phải trả, đối tượng trả nợ, loại nguyên tệ và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
 - (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo tài chính

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Tiền mặt	13.392.837.563	4.872.788.090
Tiền gửi Ngân hàng	53.036.086.587	152.819.299.041
Tổng	<u>66.428.924.150</u>	<u>157.692.087.131</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/12/2024</u>		<u>01/01/2024</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
	VND	VND	VND	VND
1. Phải thu tại Văn phòng Tổng công ty	113.307.891.338	113.307.891.338	134.189.609.703	134.189.609.703
- Ban quản lý dự án 2	3.227.429.270	3.227.429.270	4.298.986.395	4.298.986.395
- Ban quản lý dự án Thăng Long	15.776.953.190	15.776.953.190	21.264.550.804	21.264.550.804
- Tổng công ty XDCT giao thông 1	7.773.614.531	7.773.614.531	8.162.313.715	8.162.313.715
- Ban QLDA chương trình đô thị miền núi phía bắc- TP Cao bằng	1.868.531.317	1.868.531.317	3.150.700.119	3.150.700.119
- Công ty cổ phần BOT Lào Cai - Sa Pa	5.412.244.578	5.412.244.578	5.256.446.877	5.256.446.877
- Sở giao thông vận tải Gia Lai	2.696.389.000	2.696.389.000	2.696.389.000	2.696.389.000
- Ban QLDA đường nội TP Hạ Long với cầu Bạch đằng			1.590.657.000	1.590.657.000
- Tổng công ty hàng không Việt Nam	15.953.338.738	15.953.338.738	25.512.465.711	25.512.465.711
- Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ- Túy Loan	12.997.570.033	12.997.570.033	12.997.570.033	12.997.570.033
- Ban QLDA Đầu tư XDCT giao thông Hà Nội (Ban QLDA Tả Ngạn)	16.320.744.856	16.320.744.856	16.320.744.856	16.320.744.856
- Ban quản lý dự án 7	19.016.029.000	19.016.029.000	19.744.858.057	19.744.858.057
- Các đối tượng khác	12.265.046.825	12.265.046.825	13.193.927.136	13.193.927.136
2. Phải thu tại các Chi nhánh, xí nghiệp	39.638.873.664	39.638.873.664	41.512.610.773	41.512.610.773
Cộng	<u>152.946.765.002</u>	<u>152.946.765.002</u>	<u>175.702.220.476</u>	<u>175.702.220.476</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. Trả trước cho người bán

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư XDCT 809	16.859.747.428	16.859.747.428
Công ty CP ĐT và XDCT GT 838	17.659.354.414	17.659.354.414
Công ty CP XDCT GT 842	18.198.596.464	18.140.695.105
Công ty CP ĐT và XDCT GT 874	73.528.277.497	73.528.277.497
Công ty CP CIENCO 875	40.303.348.101	40.303.348.101
Công ty CP xây dựng 879	50.048.952.880	47.805.513.652
Công ty CP XDCT GT 889	21.332.654.164	21.332.654.164
Công ty CP CIENCO 892	61.012.331.027	61.012.331.027
Công ty LD công trình Hữu Nghị	1.666.670.049	1.666.670.049
Công ty CP xây dựng Miền Tây	21.182.705.949	21.182.705.949
Công ty CP XDCT GT Việt Lào	40.610.506.623	40.610.506.623
CTCP - TCT liên doanh XDCT 18	109.513.682.534	138.847.289.449
Công ty CP Xây dựng và Lắp máy 816	56.454.339.767	52.598.612.852
Công ty CP - TCT đầu tư hạ tầng VN (VIC)	10.490.838.808	33.349.851.984
Công ty CP đầu tư Xây lắp Việt Lào	5.777.857.769	9.966.055.330
Các đối tượng khác	91.946.568.395	88.565.500.312
Cộng	<u><u>636.586.431.869</u></u>	<u><u>683.429.113.936</u></u>

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>31/12/2024</u>		<u>01/01/2024</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Xây dựng 879	8.805.027.158	8.805.027.158	8.805.027.158	8.805.027.158
Công ty CP-TCT Liên doanh XDCT 18 - CIE18	92.177.164.670	92.177.164.670	104.526.221.593	104.526.221.593
Công ty CP XD và Lắp Máy 816	3.183.500.000	3.183.500.000	3.183.500.000	3.183.500.000
Công ty CP XD hạ tầng giao thông Việt Nam	42.445.879.456	42.445.879.456	46.725.533.326	46.725.533.326
Công ty cổ phần Tập đoàn Phúc lộc	3.500.000.000	3.500.000.000	-	-
Cộng	<u><u>150.111.571.284</u></u>	<u><u>150.111.571.284</u></u>	<u><u>163.240.282.077</u></u>	<u><u>163.240.282.077</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. Các khoản phải thu khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a/. Ngắn hạn	103.254.861.838	-	118.611.853.586	-
- Phải thu khác	103.254.861.838	-	118.611.853.586	-
BĐH dự án đường HCM	6.988.563.700	-	7.816.711.863	-
XN xây dựng cầu đường 2	22.806.933.364	-	23.062.657.909	-
Xí nghiệp Hưng Long	10.253.071.176	-	13.926.979.679	-
Công ty Vật tư XDCT	16.093.367.361	-	16.093.367.361	-
XN xây dựng cầu đường 1	33.799.956.252	-	34.083.363.455	-
BĐH dự án G1- Vĩnh Long	-	-	3.873.868.841	-
Công ty TNHH ĐTXD Vạn Tường	-	-	1.865.480.950	-
Các đối tượng khác	13.312.969.985	-	17.889.423.528	-
b/. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	103.254.861.838	-	118.611.853.586	-

6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP ĐT XDCT GT 874	73.528.277.497	-	73.528.277.497	-
Công ty cổ phần Cienco 875	40.303.348.101	-	40.303.348.101	-
Công ty cổ phần Cienco 892	61.012.331.027	-	61.012.331.027	-
Công ty CP XDCT GT Việt Lào	40.339.569.123	-	40.339.569.123	-
Công ty CP XDCT GT 889	21.332.654.164	-	13.210.748.136	-
Công ty CP Xây dựng 879	5.336.107.049	-	-	-
Công ty CP XDCT GT 842	7.285.734.894	-	5.058.281.648	-
Công ty CP XDCT GT 872	6.458.242.108	-	6.458.242.108	-
Cộng	255.596.263.963	-	239.910.797.640	-

7. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	541.767.064	-	563.208.579	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	227.837.356	-
Chi phí SXKD dở dang	14.078.346.388	-	14.107.097.361	-
Cộng	14.620.113.452	-	14.898.143.296	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. Tài sản cố định vô hình

	Tài sản vô hình khác (VND)	Tổng cộng (VND)
* Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2024	795.000.000	795.000.000
Mua trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2024	795.000.000	795.000.000
* Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2024	795.000.000	795.000.000
Khấu hao trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2024	795.000.000	795.000.000
* Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2024	-	-
Tại ngày 31/12/2024	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Mua sắm, sửa chữa TSCĐ		10.657.468.448
Công trình nhà VP và nhà điều hành SX		4.966.344.203
Tổng	-	15.623.812.651

11. Đầu tư tài chính dài hạn	31/12/2024				01/01/2024			
	<u>Giá trị</u> (VND)	<u>Dư phòng</u> (VND)	-	<u>Giá trị hợp lý</u> (VND)	<u>Giá trị</u> (VND)	<u>Dư phòng</u> (VND)	-	<u>Giá trị hợp lý</u> (VND)
a) Đầu tư vào công ty con	162.636.653.300	-	-	162.636.653.300	162.636.653.300	-	-	162.636.653.300
Công ty CP -TCT LD XDCT 18	9.980.000.000	-	-	9.980.000.000	9.980.000.000	-	-	9.980.000.000
Công ty CP XD và lắp máy 816	7.798.560.000	-	-	7.798.560.000	7.798.560.000	-	-	7.798.560.000
Công ty CP XD và lắp máy 819	4.990.000.000	-	-	4.990.000.000	4.990.000.000	-	-	4.990.000.000
Công ty CP Xây dựng 879	4.304.200.000	-	-	4.304.200.000	4.304.200.000	-	-	4.304.200.000
Công ty CP - Tổng công ty Địa ốc Cienco8	83.313.000.000	-	-	83.313.000.000	83.313.000.000	-	-	83.313.000.000
Công ty CP Xây dựng Cầu 75-Cienco8	27.780.893.300	-	-	27.780.893.300	27.780.893.300	-	-	27.780.893.300
CTCP TCty đầu tư Hạ tầng VN	15.440.000.000	-	-	15.440.000.000	15.440.000.000	-	-	15.440.000.000
Công ty Cổ phần XNK Tổng hợp 889	7.990.000.000	-	-	7.990.000.000	7.990.000.000	-	-	7.990.000.000
Công ty CP ĐTXD Lắp máy Việt Lào	1.040.000.000	-	-	1.040.000.000	1.040.000.000	-	-	1.040.000.000
b) Đầu tư vào công ty liên danh, liên kết	177.586.131.600	-	-	177.586.131.600	194.680.006.600	-	-	194.680.006.600
Công ty CP Đầu tư XDCT 809 - Cienco8	1.581.500.000	-	-	1.581.500.000	1.581.500.000	-	-	1.581.500.000
Công ty CP XDCT Giao thông 842	7.678.500.000	-	-	7.678.500.000	7.678.500.000	-	-	7.678.500.000
Công ty CP Đầu tư và XDCT GT 838	7.869.000.000	-	-	7.869.000.000	7.869.000.000	-	-	7.869.000.000
Công ty CP XDCT Giao thông 820	6.085.000.000	-	-	6.085.000.000	6.085.000.000	-	-	6.085.000.000
Công ty CP TV công nghệ XD 868 - Cienco8	39.872.421	-	-	39.872.421	39.872.421	-	-	39.872.421
Công ty CP Đầu tư và XDCT GT 874	5.880.000.000	-	-	5.880.000.000	5.880.000.000	-	-	5.880.000.000
Công ty CP XDCT Giao thông 889	3.517.400.000	-	-	3.517.400.000	3.517.400.000	-	-	3.517.400.000
Công ty cổ phần CIENCO 892	2.700.000.000	-	-	2.700.000.000	2.700.000.000	-	-	2.700.000.000
Công ty CP ĐTXD 898 - Cienco8	69.366.034	-	-	69.366.034	69.366.034	-	-	69.366.034
Công ty CP XDCT giao thông 810	26.737.191.415	-	-	26.737.191.415	26.737.191.415	-	-	26.737.191.415
Công ty Cổ phần Xây dựng Miền Tây	3.607.452.261	-	-	3.607.452.261	3.607.452.261	-	-	3.607.452.261
Công ty CP XDCT giao thông Việt Lào	3.682.000.000	-	-	3.682.000.000	3.682.000.000	-	-	3.682.000.000
Công ty CP ĐTPT Sông cầu Thái Nguyên	98.854.807.416	-	-	98.854.807.416	98.854.807.416	-	-	98.854.807.416
Công ty TNHH và Đầu tư BT Cam Lộ-Túy Loan	9.284.042.053	-	-	9.284.042.053	26.377.917.053	-	-	26.377.917.053

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN

11. Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

	31/12/2024			01/01/2024		
	<u>Giá trị</u> (VND)	<u>Dư phòng</u> (VND)	<u>Giá trị hợp lý</u> (VND)	<u>Giá trị</u> (VND)	<u>Dư phòng</u> (VND)	<u>Giá trị hợp lý</u> (VND)
c) Đầu tư khác	5.405.420.821	-	5.405.420.821	5.405.420.821	-	5.405.420.821
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng 808	373.807.414	-	373.807.414	373.807.414	-	373.807.414
Công ty CP XDCT giao thông 872	3.031.613.407	-	3.031.613.407	3.031.613.407	-	3.031.613.407
Công ty CP ĐTXD 886 - Thành Nam	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
		-			-	
Tổng cộng	345.628.205.721	-	345.628.205.721	362.722.080.721	-	362.722.080.721

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. Chi phí trả trước

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	71.110.935.334	64.874.145.085
Chi phí cải tạo văn phòng		2.036.517.956
Chi phí khác	71.110.935.334	62.837.627.129
Dài hạn	-	306.140.483
Chi phí chờ phân bổ		306.140.483

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2024</u>		<u>01/01/2024</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị</u>
	VND	có k/n trả nợ VND	VND	có k/n trả nợ VND
Công ty CP công trình 207	2.203.127.447	2.203.127.447	2.203.127.447	2.203.127.447
CT TNHH TM & XD Thành an	3.435.523.440	3.435.523.440	3.435.523.440	3.435.523.440
Công ty Vạn Cường	27.617.597.838	27.617.597.838	28.217.597.838	28.217.597.838
TCT xây dựng Bạch Đằng-CTCP	15.750.444.161	15.750.444.161	15.750.444.161	15.750.444.161
Công ty CP xây dựng Cầu 75	15.376.940.085	15.376.940.085	24.048.903.512	24.048.903.512
CT CP Nam Vân Phong	4.564.122.268	4.564.122.268	6.772.517.571	6.772.517.571
CT TNHH TM & SX Quán Trung	9.871.635.007	9.871.635.007	10.106.860.909	10.106.860.909
CT TNHH PT TM An Bình NB	-	-	4.178.648.992	4.178.648.992
CT TNHH VT và TM Kiều Trinh	2.384.037.816	2.384.037.816	6.375.665.000	6.375.665.000
Các đối tượng khác	107.930.462.668	107.930.462.668	123.090.900.848	123.090.900.848
Cộng	189.133.890.730	189.133.890.730	224.180.189.718	224.180.189.718

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	104.783.374.273	289.415.508.802
Ban quản lý dự án Thăng Long	-	-
Ban QLDA ĐT XDCT hạ tầng KT và NNo Hà Nội	6.071.579.000	10.810.948.000
Ban quản lý dự án 85	15.170.628.700	203.769.268.700
Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Đông Anh	20.040.392.000	3.718.000.000
Ban QLDA ĐT XD các công trình giao thông	26.881.416.322	33.544.696.122
Ban QLDA ĐTXD CTGT,DD và CN Phú Thọ	25.373.427.000	-
Đối tượng khác	11.245.931.251	37.572.595.980
Dài hạn	117.530.967.729	116.230.967.729
Công ty CP ĐTPT Sông cầu Thái nguyên	77.298.333.405	77.298.333.405
Cục đường sắt VN- Bộ GTVT	38.932.634.324	38.932.634.324
Công ty TNHH chuỗi nhà hàng ROXA	220.000.000	-
Trường Đại học FPT	1.080.000.000	-
Tổng cộng	222.314.342.002	405.646.476.531

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	8.594.531.701	9.003.694.029
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.360.869	0
Thuế thu nhập cá nhân	791.644.066	936.729.669
Thuế tài nguyên	197.858.800	403.103.000
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	22.397.380.819	19.608.324.784
Các loại thuế khác	-	0
Các loại phí, lệ phí, phải nộp khác	2.915.735.374	2.898.798.356
Tổng	34.908.511.629	32.850.649.838

16. Chi phí phải trả

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Chi phí trích trước giá trị NTĐT các công trình	37.794.334.536	68.980.384.331
Tổng	37.794.334.536	68.980.384.331

17. Phải trả khác

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	779.376.473	928.085.955
Bảo hiểm xã hội, y tế, TN	7.024.218.321	6.980.884.843
Các khoản phải trả, phải nộp khác	41.772.018.704	42.001.413.224
- Công ty CP XDCT giao thông 810	3.612.604.383	3.312.604.383
- Công ty CP Tập đoàn Đầu tư XD nhà đất	1.500.000.000	1.500.000.000
- Phải trả khác XN XDCT1	3.247.534.057	3.249.534.057
- Công ty Vật tư XDCT	4.679.963.063	4.679.963.063
- Chi nhánh phía nam	6.691.106.247	6.691.162.601
- Công ty Địa ốc Cienco8	5.624.631.673	5.954.570.000
- Phải trả khác	16.416.179.281	16.613.579.120
Cộng	49.575.613.498	49.910.384.022
Dài hạn		
Phải trả dài hạn khác	18.853.110.883	10.549.706.500
Cộng	18.853.110.883	10.549.706.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN

18. Vay và Nợ thuê tài chính

	01/01/2024		Tăng giảm trong năm		31/12/2024	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có k/n trả nợ</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có k/n trả nợ</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn VND	200.309.725.853	200.309.725.853	68.000.927.703	225.451.736.664	42.858.916.892	42.858.916.892
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Hà nội	78.749.867.264	78.749.867.264	46.148.875.947	88.678.884.963	36.219.858.248	36.219.858.248
Vay cá nhân, khác	37.982.227.086	37.982.227.086	13.692.051.143	45.035.219.585	6.639.058.644	6.639.058.644
Các đối tượng khác	83.577.631.503	83.577.631.503	8.160.000.613	91.737.632.116	0	0
b) Vay dài hạn VND	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng	200.309.725.853	200.309.725.853	68.000.927.703	225.451.736.664	42.858.916.892	42.858.916.892

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	272.389.587	
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	272.389.587	
Dài hạn	39.670.565.977	44.967.575.777
Doanh thu cho thuê nhà N1- Hồ Tùng Mậu	18.799.798.131	21.476.487.131
Doanh thu cho thuê nhà N3- Hồ Tùng Mậu	20.870.767.846	23.491.088.646
	<u>39.942.955.564</u>	<u>44.967.575.777</u>

20. Vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1.Số dư đầu năm trước	589.914.260.000	26.833.402.471	616.747.662.471
- Lãi trong năm trước		4.888.353.280	4.888.353.280
- Giảm khác		(1.858.316.030)	(1.858.316.030)
2. Số dư đầu năm nay	589.914.260.000	29.863.439.721	619.777.699.721
- Tăng vốn trong năm nay	145.085.740.000		145.085.740.000
- Lãi trong năm nay		5.462.749.773	5.462.749.773
- Giảm khác			0
3. Số dư cuối năm nay	735.000.000.000	35.326.189.494	770.326.189.494

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

TT	Tên cổ đông	Số CP sở hữu(CP)	Giá trị CP (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty Đầu tư kinh doanh vốn NN	10.868.238	108.682.380.000	14,79%
2	Công ty TNHH CK NH TMCP Ngoại thương	1.750.000	17.500.000.000	2,38%
3	Ông Lương Minh Tường	30.037.936	300.379.360.000	40,87%
4	Bà Đinh Thị Hương Giang	13.230.000	132.300.000.000	18,00%
5	Ông Nguyễn Văn Phú	3.307.500	33.075.000.000	4,50%
6	Ông Nguyễn Trung Dũng	2.502.806	25.028.060.000	3,41%
7	Ông Lương Minh Tuyên	2.205.000	22.050.000.000	3,00%
8	Bà Lương Minh Tuyết	1.972.500	19.725.000.000	2,68%
9	Bà Đinh Thị Bảo	1.700.000	17.000.000.000	2,31%
10	Ông Lương Quang Tuấn	1.670.000	16.700.000.000	2,27%
11	Bà Lê Thị Thu Trang	1.470.000	14.700.000.000	2,00%
12	Ông Bùi Việt Trung	1.000.000	10.000.000.000	1,36%
13	Ông Trần Đức Thọ	650.000	6.500.000.000	0,88%
14	Bà Đỗ Thị Thanh Thúy	600.000	6.000.000.000	0,82%
15	Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	500.000	5.000.000.000	0,68%
16	Các Cổ đông khác (27cđ)	36.020	360.200.000	0,05%
	Tổng cộng	73.500.000	735.000.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	589.914.260.000	589.914.260.000
- Vốn góp đầu năm	589.914.260.000	589.914.260.000
- Vốn góp tăng trong năm	145.085.740.000	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	735.000.000.000	589.914.260.000

21. Doanh thu thuần

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	741.277.475.003	1.069.170.190.876
Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
Tổng	741.277.475.003	1.069.170.190.876

22. Giá vốn

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	692.648.067.543	1.009.229.296.617
Tổng	692.648.067.543	1.009.229.296.617

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	311.093.910	223.105.031
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.522.530.500	5.522.530.500
Tổng cộng	5.833.624.410	5.745.635.531

24. Chi phí tài chính

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.172.291.103	2.938.750.893
Chi phí tài chính khác	3.109.766	2.987.685
	3.175.400.869	2.941.738.578

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	15.542.333.212	16.457.295.123
Chi phí khấu hao TSCĐ, đồ dùng VP	4.126.262.800	4.431.741.495
Thuế, phí và lệ phí	2.283.063.449	1.488.162.603
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.532.145.277	7.595.987.492
Chi phí dự phòng	15.685.466.323	28.277.961.091
Chi phí khác	582.183.501	635.340.014
Cộng	46.751.454.562	58.886.487.818

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. Lợi nhuận khác	Nam 2024	Nam 2023
	VND	VND
Thu nhập khác	8.022.211.204	4.717.025.833
Thu Thanh lý TSCĐ	7.307.845.132	4.641.146.117
Thu nhập khác	714.366.072	75.879.716
Chi phí khác	7.084.277.001	3.686.975.947
Giá trị còn lại TS thanh lý	6.955.488.651	2.760.310.391
Lãi chậm TT nợ	114.637.916	291.305.407
Chi phí khác	14.150.434	635.360.149
Tổng Lợi nhuận khác	937.934.203	1.030.049.886

27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.474.110.642	4.888.353.280
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(5.417.306.296)	(5.237.908.146)
Cộng: Thu nhập chưa thực hiện		
Cộng: Chi phí không được trừ	114.637.916	291.305.407
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(5.531.944.212)	(5.529.213.553)
- Giảm TNCT XN Hưng Long đã KK tại địa phương	(9.413.712)	(6.683.053)
- Giảm TNCT khoản thu từ cổ tức	(5.522.530.500)	(5.522.530.500)
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	56.804.346	(349.554.866)
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.360.869	-

28. Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tổng Công ty.

29. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đỗ Đình Dương

Lưu Việt Hà



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Phú